

CÔNG TY CỔ PHẦN HOLA LIFE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HOLA LIFE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOLA LIFE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOLALIFE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109742377

3. Ngày thành lập: 08/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Văn Giáp, Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462958884

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4.	Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày	5510
5.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
6.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
7.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
8.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
11.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
16.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
17.	Xây dựng công trình điện	4221
18.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ loại Nhà nước cấm)	5229
21.	Xây dựng nhà để ở	4101

22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm bán buôn dược phẩm)	4669
25.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
26.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	5210
29.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
30.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
33.	Xuất bản phần mềm Loại trừ xuất bản phẩm	5820
34.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giá trị gia tăng; Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông; Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; - Cung cấp các dịch vụ nội dung thông tin số	6190
35.	Lập trình máy vi tính	6201
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Cổng thông tin	6312
40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
41.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
42.	Chuyển phát	5320
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Loại trừ các hoạt động có điều kiện hoặc các ngành nghề thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)	5225

45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ	5224
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật) Ngoại trừ hoạt động đấu giá tài sản	4791
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
63.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
64.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
65.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
66.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn: tư vấn pháp luật, tư vấn chứng khoán và không bao gồm hoạt động của công ty luật, văn phòng luật sư)	6619
68.	Quảng cáo	7310
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710

71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh	7730
72.	Bưu chính	5310
73.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
74.	Bán buôn tổng hợp	4690
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
76.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
77.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
78.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
79.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
80.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
81.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
82.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
83.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
84.	Bán buôn đồ uống	4633
85.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
86.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
87.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: -Giết mổ gia súc, gia cầm; -Chế biến và bảo quản thịt; -Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt.	1010(Chính)
88.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
89.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	4933

90.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4799
91.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
92.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
93.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
94.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
95.	Sản xuất đường	1072
96.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
97.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
98.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
99.	Sản xuất chè	1076
100.	Sản xuất cà phê	1077
101.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
102.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN SƠN TRÀ	Xóm 5, Thị Trấn Hương Khê, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	183561987	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
2	NGUYỄN THU THÙY	203-C3, tập thể NT Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	90,000	013605812	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	90,000		

3	ĐỖ ANH VIỆT	Tập thể Bưu Điện Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0010850121 92
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU THÙY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 013605812

Ngày cấp: 21/03/2013

Nơi cấp: CA Thành Phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 203-C3, tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P 15.07 Tòa C, Chung cư Mulberry Lane, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội